TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83 /2019/DS-PT
Ngày: 19/11/2018.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn;

Bà Hoàng Lan Phương.

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Thanh tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2019/DSPT ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn*:* Bà Ngô Thị P, sinh năm 1960.

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2.Bị đơn: Chị Lê Thị N, 1985 và anh Vũ Đình Đ, 1982.

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Các bên đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2018 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị P trình bày:

Bà P và chị Lê Thị N là hàng xóm có quan hệ làm ăn với nhau, do chị N kinh doanh nên thường xuyên vay tiền của bà. Tổng số tiền vay đến ngày 05 tháng 11 năm 2017 (Âm lịch) là 110.000.000đ. Bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng chị N không trả, cũng không khất nợ và có ý lẩn tránh. Do vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Lê Thị N và anh Vũ Đình Đ phải trả cho bà số tiền là 110.000.000đ tiền gốc và tiền lãi (tính theo lãi xuất ngân hàng) là 9.922.000đ. Tổng

cộng là: 119.922.000đ *(Một trăm mười chín triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).*

- Tại bản tự khai ngày 03/5/2019, bị đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị và bà P làm ăn với nhau đã lâu, từ trước đến nay chị hay vay tiền và lấy thăm của bà P và đều trả nợ sòng phẳng, đến năm 2017 do làm ăn thua lỗ thì tổng số nợ là 90.000.000đ cả lãi thăm. Nay chị sẽ có trách nhiệm trả dần cho bà P số tiền trên nhưng xin bớt tiền lãi và xin được trả nợ dần.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/9/2019, chị N thừa nhận còn nợ bà P 110.000,000đ, do khó khăn xin bà P không tính lãi suất, số tiền gốc chị xin trả làm 03 lần.Bà P rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu chị N trả nợ gốc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DSST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của TAND huyện Thọ Xuân đã Quyết định:

Áp dụng: Điều 357; 463;466;469 của Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị P.

Buộc chị Lê Thị N phải trả cho bà P số tiền là 110.000.000đ làm 02 lần: Lần 1 vào ngày 30/10/2019 và lần 2 vào ngày 30/01/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn buộc chị N nộp 5.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm và giành quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2019, chị Lê Thị N có đơn kháng cáo với nội dung:

-Bản án sơ thẩm buộc chị phải trả cho bà P 110.000.000đ là không đúng, vì chị chỉ vay bà P 60.000.000đ và lấy một bát thăm 35.000.000đ, tổng cộng là 95.000.000đ,chị đã trả 4.000.000đ chỉ còn nợ bà P 91.000.000đ;

- Hiện tại chị không có khả năng chi trả, hoàn cảnh khó khăn, khoản nợ này chị vay cá nhân không liên quan đến chồng nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ.

(Chị N không nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Thông báo của Tòa án).

Ngày 11/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Thọ Xuân có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung:

-Tòa án cấp sơ thẩm không lập Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ (vi phạm khoản 2 Điều 208 Bộ luạt tố tụng dân sự);

- Theo đơn khởi kiện, bà P yêu cầu Tòa án buộc chị N, anh Đ phải trả số tiền gốc 110.000.000đ và tiền lãi 9.922.000đ, tổng cộng là: 119.922.000đ. Tại phiên tòa bà P chỉ yêu cầu chị N trả nợ gốc nhưng phần Quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên đình chỉ đối với phần tính lãi suất (vi phạm khoản 2 Điều 244 và điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự).

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ngoài những nội dung đã nêu trong kháng nghị của VKSND huyện Thọ Xuân, VKSND tỉnh Thanh Hóa bổ sung thêm: Tòa án cấp sơ thẩm còn vi phạm về thời gian niêm yết Thông báo phiên hòa giải công kahi tài liệu, chứng cứ đối với bị đơn; ngoài ra trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm buộc chị N trả cho bà P số tiền 110.000.000đ làm hai lần, nhưng không tuyên cụ thể mỗi lần phải trả bao nhiêu là gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của VKSND huyệnThọ Xuân, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ giải quyết một phần đơn khởi kiện của bà P về yêu cầu tính lãi suất, buộc chị N trả cho bà P số tiền gốc 106.000.000đ. (Có văn bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, kháng nghị của VKSND huyện Thọ Xuân làm trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn chị Lê Thị N có đơn kháng cáo ngày 04/10/2019, tuy nhiên chị N không nộp tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm theo Thông báo của TAND huyện Thọ Xuân coi như chị N đã từ bỏ kháng cáo.

[2] Xét kháng nghị của VKSND huyện Thọ Xuân thấy rằng:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, ngày 16/8/2019, TAND huyện Thọ Xuân ra Thông báo về việc triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên họp ấn định 14h ngày 19/8/2019 (sau 03 ngày) là quá ngắn không đảm bảo cho đương sự có sự chuẩn bị, tuy nhiên anh Đ từ chối nhận Thông báo và chị N, anh Đ đã được Tòa án tiến hành niêm yết công khai Thông báo nêu trên và không có ý kiến gì. Tại phiên họp, bị đơn vắng mặt, nhưng TAND huyện Thọ Xuân không lập Biên bản công khai tài liệu, chứng cứ đối với bên có mặt là vi phạm khoản 2 Điều 208 như nội dung kháng nghị của VKSND huyện Thọ Xuân là đúng.

[2.2] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 110.000.000đ và tiền lãi 9.922.000đ, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu trả gốc, rút yêu cầu trả lãi. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, phần Quyết định

không tuyên chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu lãi suất là thiếu sót.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ, theo đơn khởi kiện, bà P yêu cầu cả hai vợ chồng chị Lê Thị N và anh Vũ Đình Đ trả nợ, chị N cho rằng khoản nợ này là cá nhân không liên quan đến anh Đ, bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc một mình chị N trả nợ, nội dung này bà P không kháng cáo nên đã có hiệu lực.

[4] Xem xét trình bày của chị N cho rằng chị chỉ vay bà P 95.000.000đ và đã trả 4.000.000đ, thấy rằng:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ (tại các Bút lục 9,10,11) thì chị N có 03 lần vay tiền của bà P gồm:

Ngày 19/9/2017 (tức 02/10/2017 âm lịch) vay số tiền 10.000.000đ;

Ngày 21/9/2017 (tức 02/8/2017 âm lích) vay số tiền 50.000.000đ;

Ngày 05/11/2017 nhận thăm số tiền 50.000.000đ.

Tổng số tiền gốc là 110.000.000đ. Chị N cho rằng chỉ vay 95.000.000đ nhưng không có căn cứ chứng minh.Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, chị N cũng không xuất trình được chứng cứ về việc trả nợ do đó bản án sơ thẩm tuyên buộc chị phải trả cho bà P số tiền gốc 110.000.000đ là có căn cứ.

Sau khi xử sơ thẩm, chị N mới xuất trình tài liệu: Ngày 12/6/2019 chị đã nộp tiền qua dịch vụ Bưu điện vào tài khoản 3513205078878 của Vũ Thị Hưng là con gái của bà P (tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Bình Dương) số tiền 2.000.000đ và ngày 02/7/1999 bà P đã nhận của mẹ chị N 2.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P xác nhận sự việc trên là đúng và thống nhất số tiền hiện nay chị N còn nợ bà là 106.000.000đ, do đó có căn cứ sửa bản án sơ thẩm về số tiền mà bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn.

[5] Về P thức thanh toán: Bản án sơ thẩm tuyên buộc chị N phải trả cho bà N số tiền 110.000.000đ làm hai lần, lần 1 ngày 30/10/2019 và lần 2 ngày 30/01/2020 là không đủ căn cứ vì không được các bên thỏa thuận tại phiên tòa, mặt khác cũng không ấn định mỗi lần chị N phải trả số tiền cụ thể bao nhiêu là gây khó khăn cho việc thi hành bản án. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm không tuyên buộc từng lần đối với số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm có các vi phạm về thủ tục tố tụng và thiếu sót về nội dung giải quyết như đã nêu trên, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm đã khắc phục làm rõ và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên, do đó không cần thiết hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại gây kéo dài thời gian của đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án sơ thẩm và rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm.

[7] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo kháng nghị của VKS nên đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm. Về án phí dân sơ thẩm đươc xác định lại tương ứng với số tiền mà chị N còn phải trả cho bà P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 469; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

1.Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, sửa bản án sơ thẩm số 31/2019/DSST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Buộc chị Lê Thị N phải trả cho bà Ngô Thị P số tiền gốc còn nợ là: 106.000.000đ *(Một trăm lẻ sáu triệu đồng)*.

- Chấp nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị P không yêu cầu chị Lê Thị N phải trả số tiền lãi là: 9.922.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà P có đơn yêu cầu và được Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu chị N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết: Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí: Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5.300.000đ *(Năm triệu ba trăm ngàn đồng)*.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án../.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND huyện Thọ Xuân;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Chinh